**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG**

**ĐIỀU LỆ CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**DO TỔ CHỨC LÀM CHỦ SỞ HỮU**

**A/ NỘI DUNG CƠ BẢN:**

Căn cứ điều 25 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 quy định Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổ chức làm chủ sở hữu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Ngành, nghề kinh doanh.

3. Vốn điều lệ.

4. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu công ty.

5. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty..

6. Cơ cấu tổ chức quản lý.

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty.

8. Thể thức thông qua quyết định của công ty.

9. Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên.

10. Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty.

11. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

12. Họ, tên, chữ ký của chủ sở hữu công ty.

13. Các nội dung khác do chủ sở hữu ghi vào nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

**B/ NỘI DUNG CHI TIẾT *(để tham khảo):***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ĐIỀU LỆ**

CÔNG TY TNHH ……………….

Tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): ………………….…………………..

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập: ………………………………

Do:………………………cấp/phê duyệt ngày: ……../………….../……………

Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………………..

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn: …………………………

Xã/Phường/Thị trấn: …………………………………………………………..

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: ………………………………….

Tỉnh/Thành phố: ………………………………………………………………

Quốc gia: ………………………………………………………………………

Nay quyết định thành lập CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Bảng Điều lệ dưới đây với các điều khoản cụ thể sau:

**CHƯƠNG I**

**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi trách nhiệm**

 Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của doanh nghiệp.

**Điều 2. Tên Doanh nghiệp.**

- Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt: ……………… ………………………..

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: …………………….……………

- Tên Công ty viết tắt: ………………………………………………….……

|  |
| --- |
| *Doanh nghiệp tham chiếu các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật doanh nghiệp* |

**Điều 3. Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện**

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số : …….…, đường (xóm, ấp, khu phố): ……………… phường (xã, thị trấn): ……..., quận (huyện) ……….. TP. HCM.

- Chi nhánh công ty đặt tại số : ……, đường (xóm, ấp, khu phố): …… phường (xã, thị trấn): ……..., quận (huyện) :…... tỉnh/thànhphố…………..

- Văn phòng đại diện của công ty đặt tại số: ….…, đường (xóm, ấp, khu phố): ……… phường (xã, thị trấn): ……..., quận (huyện) ………tỉnh/thànhphố………

|  |
| --- |
| *Doanh nghiệp tham chiếu Điều 43 Luật doanh nghiệp.* |

**Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh**

…………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| *Doanh nghiệp tham chiếu Điều 3 Luật Doanh nghiệp, Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/01/2007 về ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.* |

**Điều 5. Thời hạn hoạt động**

1. Thời hạn hoạt động của công ty là: …………………………năm kể từ ngày thành lập và được phép hoạt động theo quy định của luật pháp.

2. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

|  |
| --- |
| *Doanh nghiệp tham chiếu các Điều 192, 193, 194, 195, 196 và 201 Luật doanh nghiệp* |

**Điều 6. Người đại diện theo pháp luật**

1. Ông (Bà): …………………………………Nam/nữ: ……………………...

Sinh ngày…….tháng …….năm……; Dân tộc:…… …….; Quốc tịch: ………

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:….… Ngày cấp …..Nơi cấp: ...……

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ………………………………………………

Chỗ ở hiện tại: ………………………………………………….………………

Chức danh quản lý: …………………….. (là Chủ tịch Công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc)

Quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện pháp luật:……..….

1. Ông (Bà): *(\*)* ………………………………Nam/nữ: ……………………..

Sinh ngày…….tháng …….năm……; Dân tộc:……… ….; Quốc tịch: ………

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:….… Ngày cấp ….….Nơi cấp: …..

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ………………………………………………

Chỗ ở hiện tại: …………………………………………………………………

Chức danh quản lý: …………………….. (là Chủ tịch Công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc)

Quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện pháp luật:……….

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 13 Luật doanh nghiệp*

*(\*) Trường hợp doanh nghiệp có từ 2 người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lên.*

**CHƯƠNG II**

VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

**Điều 7. Vốn điều lệ**

1.   Toàn bộ vốn điều lệ của công ty là do chủ sở hữu công ty góp.

2.    Vốn điều lệ của công ty là :………………., bao gồm:

    - Tiền Việt Nam:………………………(bằng chữ:.......................)

    - Ngoại tệ tự do chuyển đổi:…………………( bằng chữ:..........................)

    - Tài sản khác: (loại tài sản, số lượng và giá trị của mỗi loại) …………..

- Thời điểm góp vốn: ……………… (ghi rõ ngày, tháng, năm)

3.   Chủ sở hữu công ty cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá của tất cả tài sản trên *(nếu có góp vốn bằng tài sản)*.

|  |
| --- |
| *Doanh nghiệp tham chiếu các Điều 35, 36, 37 và Điều 74 Luật Doanh nghiệp.* |

**Điều 8: Thay đổi vốn điều lệ:**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;

b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 74 của Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

3. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo một trong hai loại hình sau đây:

a) Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;

b) Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 196 của Luật Doanh nghiệp.

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 87 Luật Doanh nghiệp.*

**Điều 9: Quyền của chủ sở hữu công ty:**

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

đ) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

g) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 75 Luật Doanh nghiệp.*

**Điều 10: Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty:**

1. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

7. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 76 Luật Doanh nghiệp.*

### Điều 11: Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.

2. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật, thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

3. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu hoặc thành viên của công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế.

Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.

5. Trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu sẽ trở thành chủ sở hữu hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 77 Luật Doanh nghiệp.*

**CHƯƠNG III**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

**Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý**

* Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty;
* Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
* Kiểm soát viên (nếu có)

|  |
| --- |
| *Doanh nghiệp tham chiếu Điều 85 Luật Doanh nghiệp.* |

**Điều 13.Chủ tịch công ty**

1. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 80 Luật Doanh nghiệp*

### Điều 14. Giám đốc, Tổng giám đốc

1. Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

*Doanh nghiệp tham chiếu Điều 81 Luật Doanh nghiệp*

**Điều 15.** Trách nhiệm của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

*Doanh nghiệp tham chiếu theo Điều 83 Luật Doanh nghiệp*

**Điều 16.** Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Người quản lý công ty được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

*Doanh nghiệp tham chiếu theo Điều 84 Luật Doanh nghiệp*

**CHƯƠNG IV**

**KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

**Điều 17. Năm tài chính**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.

**Điều 18. Sổ sách kế toán – báo cáo tài chính**

1. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

2. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty sẽ lập bản báo cáo tài chính để trình cho chủ sở hữu xem xét.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ được gởi đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thống kê có thẩm quyền.

**CHƯƠNG V**

**THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

**Điều 19. Thành lập**

1. Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được Chủ sở hữu công ty chấp thuận  và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Công ty đều được ghi vào mục chi phí của Công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

**Điều 20. Giải thể và thanh lý tài sản của công ty**

 1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

*Doanh nghiệp tham chiếu theo Điều 201 Luật doanh nghiệp*

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 21. Hiệu lực của Điều lệ**

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 22. Điều khoản cuối cùng**

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được Chủ sở hữu công ty xem xét sửa đổi.

3. Khi muốn sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ này, chủ sở hữu công ty sẽ quyết định.

Bản điều lệ này đã được chủ sở hữu công ty  xem xét từng chương, từng điều và ký tên.

Bản điều lệ này gồm   ………….. chương  ………. điều, được lập thành …………bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, ……..bản lưu trữ tại trụ sở công ty.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của chủ sở hữu công ty.

             TP.HCM, ngày ………..tháng……..năm……………..

(Chữ ký của chủ sở hữu công ty)